Cơ quan: UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 20/03/2024 15:45:47

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 642 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, họp ngày 04 tháng 01 năm 2024;

Xét Văn bản số 43/STNMT-QLMT ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 102/TTN-KHKT ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 13 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (sau

đây gọi là Dự án) của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tuyên Hóa và huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện: Tuyên Hóa, Bố Trạch; Chủ tịch UBND các xã: Mai Hóa, Tiến Hóa, Châu Hóa, Văn Hóa, Thanh Trạch; Giám đốc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Ngọc Lâm

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NÂNG CẤP, MỞ RỘNG CÔNG TRÌNH NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN CHO CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

(kèm theo Quyết định số 642 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Địa điểm thực hiện: xã Mai Hóa - xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa và xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Công trình cấp nước sinh hoạt xã Mai Hoá

+ Diện tích sử dụng: 165m^2.

+ Quy mô khai thác nước 720 m^3/ngày.

+ Quy mô phục vụ khoảng 5431 người.

1.2.2. Công trình cấp nước sạch cụm xã Tiến Hoá, Châu Hoá và Văn Hoá.

+ Diện tích sử dụng: 10.278,8m^2.

+ Quy mô khai thác nước 2.200 m^3/ngày.

+ Quy mô phục vụ khoảng 17.056 người.

1.2.3. Công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Trạch

+ Diện tích sử dụng: 13.873m^2.

+ Quy mô khai thác nước: 1.684 m^3/ngày.

+ Quy mô phục vụ khoảng 14.659 người.

1.3. Các hạng mục công trình chính của dự án

a) Công trình cấp nước sinh hoạt xã Mai Hoá, bao gồm các hạng mục: Công trình trạm bơm cấp I (tại sông Rào Trổ), trạm biến áp, trạm bơm cấp I (tại hồ chứa nước Bẹ), trạm bơm cấp II, cụm lắng lọc hợp khối, bể chứa nước sạch, bể chứa nước rửa lọc, đài nước, nhà quản lý (1 phòng làm việc, 1 phòng hoá chất, 1 phòng vệ sinh), khu để xe, hàng rào, tuyến ống mạng lưới cấp nước sạch có chiều dài 35.145m với đường kính D21-D140 và các công trình phụ trợ khác.

b) Công trình cấp nước sạch cụm xã Tiến Hoá, Châu Hoá và Văn Hoá, bao gồm các hạng mục: Công trình đập ngăn nước; hồ dự trữ và sơ lắng; trạm bơm cấp I; bể lắng đứng có ngăn phản ứng trung tâm; bể lọc nhanh; bể chứa nước sạch; trạm bơm cấp II; nhà hoá chất; bể xử lý bùn; nhà quản lý; nhà để xe; tường rào, tuyến ống mạng lưới cấp nước sạch có tổng chiều dài 130km với đường kính D110-D280 bằng ống uPVC, DN90 bằng ống HDPE và các công trình phụ trợ khác.

c) Công trình cấp sinh hoạt xã Thanh Trạch, bao gồm các hạng mục: trạm bơm cấp I; trạm bơm cấp II; bể làm thoáng, tiếp xúc; bể lắng lamen; bể lắng đứng; bể lọc chậm; bể chứa nước sạch; sân phơi vật liệu lọc; đài nước; nhà quản lý; nhà đựng dụng cụ và kho muối; bể lắng cặn, nhà để xe, tường rào; tuyến ống mạng lưới cấp nước sạch có tổng chiều dài 43.600m với đường kính D40-D225 và các hạng mục phụ trợ khác.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Quá trình đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình và sinh hoạt của công nhân trên công trường làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn hoạt động: hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào công trình cấp nước; hoạt động của trạm xử lý nước cấp và sinh hoạt của nhân viên vận hành ở công trình cấp nước làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

Dự án được thực hiện tại 3 địa điểm và tính chất tương đối giống nhau, lượng phát thải phát sinh tại mỗi công trình cấp nước được tính toán như sau:

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân lao động của dự án với tổng lượng phát sinh khoảng 0,56 - 0,8 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, tổng Nitơ, Amoni, tổng Phốtpho, Coliform… và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải do hoạt động xây dựng bao gồm: Nước vệ sinh dụng cụ khoảng 1m^3/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là xi măng, đất, cát xây dựng, chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt thi công xây dựng, thành phần nước chủ yếu chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng…

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên khoảng 0,08 - 0,24 m^3/ngày đêm. Thành phần gây ô nhiễm chủ yếu là: BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, tổng Nitơ, tổng Phốtpho, Coliform… và các vi sinh vật gây bệnh khác.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa bể (nước rửa bể lọc), quá trình làm sạch đường ống cấp nước với thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng. Cụ thể:

+ Công trình cấp nước sạch cụm xã Tiến Hoá, Châu Hoá và Văn Hoá phát sinh khoảng 12m^3 đối với nước thải rửa bể lọc.

+ Công trình cấp nước sinh hoạt xã Mai Hoá phát sinh khoảng 9,60m^3 đối với nước thải rửa bể lọc.

+ Công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Trạch phát sinh khoảng 13,41m^3 đối với nước thải rửa bể lọc.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án. Thành phần nước mưa chảy tràn chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất bẩn bề mặt, đất, cát…

3.1.2. Khí thải:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

Bụi phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án; bụi, khí thải từ hoạt động các phương tiện vận chuyển, thiết bị, máy móc thi công cơ giới; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên nhiên vật liệu... Thông số đặc trưng ô nhiễm: bụi, CO, SO_2, H_2S, NH_3, R-SH...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Bụi, khí thải phương tiện giao thông ra vào các công trình cấp nước.

- Khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác, khu tập kết rác, khu nhà vệ sinh của các công trình cấp nước...;

Thông số đặc trưng ô nhiễm: Mùi, bụi, CO, SO_2, NO_x, H_2S, CH_4...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của dự án khoảng 15,3 kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm thực phẩm dư thừa, nhựa, giấy, bao nilong...

- Chất thải rắn xây dựng khoảng 0,949m^3/ngày. Thành phần bao gồm đất đá, cốp pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, sắt, thép dư thừa, dây điện thừa, dây cáp...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 6,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy, bao bì, túi nilông, nhựa, gỗ, vải, kim loại màu, sành sứ, đồ hộp - vỏ - chai lọ không sử dụng, thực phẩm dư thừa….

- Chất thải rắn từ quá trình vận hành tại công trình cấp nước sạch cụm xã Tiến Hoá, Châu Hoá và Văn Hoá là khoảng 20kg/năm; tại công trình cấp nước sinh hoạt xã Mai Hoá là khoảng 30kg/năm; tại công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Trạch là khoảng 35kg/năm.

3.2.2. Chất thải nguy hại

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính dầu, thùng sơn... có tính chất nguy hại cao với khối lượng khoảng 9,5kg/năm cho toàn dự án.

b. Đối với giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại chủ yếu bóng đèn huỳnh quang thải loại, pin thải, vỏ chai chứa hoá chất nguy hại với khối lượng phát sinh khoảng 5kg/năm tại CTCN sạch cụm xã Tiến Hoá, Châu Hoá và Văn Hoá; 3,5kg/năm tại CTCN sinh hoạt xã Mai Hoá; 5kg/năm tại CTCN sinh hoạt xã Thanh Trạch.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng: Phát sinh chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện thi công cơ giới, đặc biệt là các thiết bị ủi, xúc, trộn bê tông... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

b. Trong giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ hệ thống các máy bơm cấp 1, cấp 2 và từ các phương tiện giao thông ra vào công trình.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

** Đối với nước thải sinh hoạt:*

- Sử dụng nhà vệ sinh hiện có của các công trình cấp nước để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy định. Dự án sử dụng nhân lực tại địa phương nên công nhân không lưu trú qua đêm qua đó giảm lượng nước thải và hạn chế tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

** Đối với nước thải xây dựng:*

- Lót đáy khu vực trộn bê tông nếu có quá trình trộn vữa bê tông không sử dụng máy trộn.

- Sử dụng các loại máy trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế phát sinh nước thải gây ảnh hưởng môi trường.

- Bố trí thùng phi tại công trường thi công để rửa, vệ sinh dụng cụ. Nước làm sạch dụng cụ, tận dụng lại cho việc bảo dưỡng công trình;

- Bố trí hố lắng ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát, tách váng dầu trước khi thoát ra môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải xây dựng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

** Đối với nước mưa chảy tràn:*

- Tạo rãnh thoát nước mưa phù hợp để thu gom và thoát nước mưa. Cuối hệ thống thoát nước bố trí hố lắng cặn nhằm hạn chế nước mưa cuốn theo chất bẩn bề mặt, đất cát vào khu vực xung quanh dự án.

- Định kỳ khơi thông cống rãnh, tăng cường vệ sinh công trường, che phủ các bãi vật liệu, khu vực để xe để tránh nước mưa xâm nhập cuốn theo dầu mỡ, chất rắn lơ lửng. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho công nhân làm việc tại công trường.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

** Đối với nước thải sinh hoạt, nước thải phát sinh từ quá trình rửa vật liệu lọc:*

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, tiếp đó dẫn vào bể lắng lọc 2 ngăn (1 ngăn lắng, 1 ngăn lọc than hoạt tính). Sau đó dẫn về bể xử lý nước thải chung (bể xử lý nước thải rửa lọc) để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa vật liệu lọc được thu gom dẫn về bể xử lý nước thải (bể lắng 2 ngăn bằng hình thức cơ học kết hợp bơm định lượng Clo) với công suất: Công trình cấp nước Mai Hóa và Công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Trạch là 15m^3/ngày đêm, Công trình cấp nước sạch cụm Tiến Hóa, Châu Hóa và Văn Hóa là 12m^3/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

** Đối với nước mưa chảy tràn*

- Nước mưa chảy tràn trên khu vực sân, đường nội bộ được thoát theo địa hình và thoát vào rãnh thoát nước mưa xung quanh theo nguyên lý tự chảy và tự thấm vào khu vực xung quanh Trạm cấp nước.

- Nước mưa chảy tràn bề mặt theo địa hình về các mương bê tông thoát nước mưa bố trí xung quanh các công trình và khuôn viên dự án sau đó chảy vào hố ga lắng cặn rồi thoát theo hướng nghiêng địa hình.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn xây dựng

- Sử dụng bạt che phủ kín thùng xe để hạn chế khả năng bụi rơi vãi gây ô nhiễm môi trường sống của dân cư xung quanh và người dân tham gia giao thông

trên các tuyến đường vận chuyển, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành.

- Bố trí xe tưới nước để phun ẩm hạn chế bụi phát sinh tại công trường, các đoạn đường đi qua khu dân cư với tần suất phù hợp, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày nắng, nhiều gió.

- Lựa chọn các phương tiện cơ giới đồng bộ, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị máy móc.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với các tuyến đường để hạn chế hư hỏng cho đường giao thông khu vực và ít phát tán bụi, khí thải ra khu vực dự án.

- Xe chở vật liệu xây dựng hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm và tuân thủ biển báo tốc độ.

- Vệ sinh khu vực công trường mỗi ngày.

- Thường xuyên khơi thông mương thoát nước để tránh gây ra ứ động.

- Để giảm thiểu tác động do xe vận chuyển mang bùn đất từ công trường, chủ đầu tư phải áp dụng các biện pháp sau: Cử công nhân làm vệ sinh đất bám ở bánh xe rơi vãi tại các điểm ra vào công trường nhằm hạn chế bụi cuốn; Thường xuyên quét dọn tuyến đường ra vào dự án nhằm hạn chế bụi phát sinh do đất bám vào bánh xe.

- Công nhân thi công trên công trường phải được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, găng tay, giày, ủng...

b. Trong giai đoạn hoạt động:

** Đối với bụi cuốn, khí thải từ phương tiện giao thông*

Để giảm thiểu bụi, khí thải trong khuôn viên các công trình cấp nước cán bộ công nhân viên ở các công trình cấp nước phải thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên các công trình cấp nước.

- Chăm sóc, duy trì hệ thống cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên dự án.

** Đối với khí, mùi hôi phát sinh từ các cống thoát nước, thùng rác.*

- Sử dụng các thùng chứa rác loại có nắp đậy để hạn chế mùi hôi phát sinh làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thiết kế và xây dựng hệ thống thoát nước hợp lý, khoa học, đảm bảo thu và thoát hết nước trên toàn bộ diện tích khuôn viên khu vực. Cao độ của hệ thống thoát nước thiết kế hợp lý, tránh ứ động và gây mùi cho các công trình cấp nước.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả của các công trình, giải pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện

hành, cụ thể: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn xây dựng:

** Chất thải rắn sinh hoạt:*

- Mỗi công trình cấp nước bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt có dung tích 50 lít, có nắp đậy kín để thu gom rác thải hàng ngày. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi, thu gom rác đúng nơi quy định.

** Đối với chất thải rắn thông thường khác:*

- Đối với chất thải rắn xây dựng: chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế, tái sử dụng như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đất, cát, xi măng, gạch vỡ,... được thu gom và tận dụng cho hoạt động xây dựng. Các loại không tận dụng được phải thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý định kỳ theo đúng quy định. Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của dự án.

b. Trong giai đoạn hoạt động

** Chất thải rắn thông thường*

- Thực hiện phân loại chất thải rắn thông thường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT để xác định biện pháp thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Mỗi công trình bố trí thùng chứa chất thải đặt tại các khu vực phát sinh chất thải phù hợp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn từ quá trình rửa lọc định kỳ được nạo vét và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bố trí thùng chứa 50l/công trình có nắp đậy kín, có dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định, đảm bảo không rò rỉ, đặt tại khu vực công trường để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Trong giai đoạn hoạt động

- Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại 50l/công trình có nắp đậy kín để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải kín, có mái che, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn xâm nhập.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện đã được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc bảo đảm các yêu cầu về cân bằng thiết bị nhằm hạn chế khả năng gây ồn do thiết bị thi công và vận chuyển sinh ra.

- Bố trí lịch thi công hợp lý nhất là ở các vị trí gây ồn lớn.

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải được trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân làm việc.

- Không tập trung phương tiện vận chuyển vào cùng một thời gian để giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến môi trường sống của cư dân hai bên tuyến đường vận chuyển.

- Đối với các xe vận chuyển: Yêu cầu các lái xe phải chạy đúng tốc độ quy định khi vận chuyển nhất là tại đoạn giao giữa các tuyến đường và đoạn vào dự án, giảm tốc độ khi đi qua các khu vực tập trung đông dân cư và không sử dụng còi hơi khi đi qua các khu vực này.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Máy móc được bảo dưỡng định kỳ và gắn đệm chống rung.

- Đối với các thiết bị vận hành tại vị trí cố định như bơm được kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ hạn chế tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án hạn chế sự lan truyền tiếng ồn sang các khu vực lân cận.

- Trang bị các thiết bị chống ồn và bố trí thời gian lao động, nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân làm việc tại các vị trí tiếp xúc với tiếng ồn cao, liên tục.

- Vận hành máy đúng công suất thiết kế.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: vị trí lưu chứa chất thải tạm trên công trường thi công.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.1.2. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Chỉ tiêu giám sát và căn cứ giám sát: Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khu vực dự án.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải

- Thông số giám sát: Độ màu, pH, Amoni, BOD_5, COD, TSS, Clo dư, Fe, Coliform.

- Vị trí giám sát:

+ Đầu ra của bể xử lý nước thải của công trình cấp nước xã Mai Hóa

+ Đầu ra của bể xử lý nước thải của công trình cấp nước xã Tiến Hóa, Châu Hóa và Văn Hóa.

+ Đầu ra của bể xử lý nước thải của công trình cấp nước xã Thanh Trạch.

- Tần suất giám sát: 12 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT.

5.2.2. Giám sát công tác quản lý, thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí giám sát: Các vị trí thu gom chất thải rắn thông thường; vị trí lưu chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

5.2.3. Giám sát công tác thực hiện các biện pháp bảo đảm sức khoẻ an toàn và các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: Trên toàn bộ khuôn viên dự án.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6.1. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa và giám sát, theo dõi liên tục các hiện tượng mất an toàn, các tác động tiêu cực tại khu vực dự án và lân cận trong quá trình thực hiện dự án; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương liên quan để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

6.3. Xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

6.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan xác định chính xác ranh giới thực hiện dự án; Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông; cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

6.5. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cải thiện môi trường lao động, trang bị và sử dụng bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc.

6.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.7. Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo đúng quy định.

6.8. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định./.